

## TÍN NGƯỠNG BÀ CHÚA KHO VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM

NGÔ ĐỨC THỊNH<sup>(\*)</sup>

**T**rải qua hơn một thập kỉ nay, Bà Chúa Kho đã trở thành một hiện tượng nổi bật của tín ngưỡng Việt Nam sau thời kì đổi mới. Đã có vài cuốn sách nhỏ, nhiều bài báo, thậm chí có cả một hội thảo khoa học bàn về hiện tượng thờ cúng này. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là nguồn gốc, cốt lõi và bản chất của hiện tượng tín ngưỡng Bà Chúa Kho là gì? nói cách khác Bà là ai? cái xã hội nào đã sản sinh ra hình thức tín ngưỡng này? thì còn chưa được lí giải. Những câu hỏi trên từ lâu luôn trở đi trở lại trong suy nghĩ của tôi, nay đã đến lúc đặt ra để chúng ta cùng thảo luận.

### I. Bà Chúa Kho, Người là ai?

Cũng như nhiều hiện tượng văn hoá dân gian khác, tôi cho rằng Bà Chúa Kho không phải là một biểu tượng đơn nghĩa, mà là **một phức thể đa biểu tượng, đa lớp văn hoá, đa giá trị**.

1. Trong tâm thức dân gian hiện nay hay ở tầng hữu thức của dân chúng, Bà Chúa Kho là một **nhân vật lịch sử**. Bà có tên tuổi (Lý An Quốc, Trần Thị Ngọc...?), có nguồn gốc xuất thân (em gái thứ sáu vua Lý Thánh Tông, vợ vua Lý, con Vua Bà, tức Hà Giang công chúa được sai xuống trông coi Cổ Mễ, con gia đình làm nghề gốm, quê ở Quả Cảm, nhà nghèo...?), có công tích (chiêu dân, lập ấp, khẩn ruộng, giữ kho lúa cho triều đình trong cuộc kháng chiến chống Tống trên sông Như Nguyệt...?). Các nhà nghiên

cứu sưu tầm về nhân thân của Bà Chúa Kho thì kêu ca là tư liệu về Bà mâu thuẫn và trái ngược nhau. Điều này thật dễ hiểu, bởi vì Bà vốn không phải là một nhân vật lịch sử, mà là một **nhân vật huyền thoại được lịch sử hoá**. Do vậy mà mỗi địa phương, mỗi thời kì lịch sử, tùy theo nhu cầu và cảm quan của dân chúng mà Bà được lịch sử hoá theo những kiểu khác nhau. Ai đó cần linh thiêng Bà thì gắn Bà với dòng dõi hoàng tộc, là vợ vua, còn ai đó thì lại gắn Bà với hình ảnh cô gái xinh đẹp, nết na, thảo hiền. Tuy nhiên, cái chung nhất của mọi kiểu lịch sử hoá, Bà Chúa Kho là người có công với dân với nước, mà mọi người đều ngưỡng mộ.

Xu hướng lịch sử hoá các nhân vật huyền thoại hay huyền thoại hoá các nhân vật lịch sử là quy luật vận động của văn hoá dân gian nước ta<sup>(1)</sup>. Cái gì không gắn với lịch sử, nhất là lịch sử dựng nước giữ nước của dân tộc thì cái đó không bao giờ trường tồn. Vậy thì Bà Chúa Kho được lịch sử hoá từ khi nào? Đó là câu hỏi không dễ trả lời. Có người cho việc phụng thờ Bà vào thời Lý vì chiến tích của Bà gắn với cuộc kháng chiến chống Tống trên bờ sông Như Nguyệt. Điều đó cũng chưa phải là bằng cứ chắc chắn, bởi vì vị

\*. PGS. TS. Viện nghiên cứu Văn hoá dân gian.

1. Ngô Đức Thịnh. *Văn hoá dân gian về Nhà Trần trên đất Nam Hà- "Thời Trần và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà"*, Sở Văn hoá Thông tin Nam Hà, 1996.

trí đền thờ Bà trên bờ sông Cầu, hơn nữa đó là vùng đất phát tích Nhà Lý thì việc quy Bà với Nhà Lý và cuộc kháng chiến chống Tống là điều dễ hiểu. Hơn thế nữa, mô típ Bà Chúa Kho không chỉ ở Bắc Ninh, mà còn ở Hà Nội và một số nơi khác nữa, và nghe đâu mỗi nơi lại gắn Bà với một thời kì lịch sử khác nhau, chống quân Nguyên thời Trần, chống quân Minh thời Lê...

Như vậy, trong quan niệm hữu thức của nhân dân, Bà Chúa Kho là một nhân vật lịch sử, gắn với thể chế nhà nước phong kiến, được các triều đại phong thần, được nhân dân dựng đền thờ phụng, gọi là Chủ Khố Linh Từ. Lớp biểu tượng này rõ ràng là lớp văn hoá muộn, thuộc thời kì phong kiến tự chủ của nước ta.

2. Về phương diện thờ cúng, nhân vật "nửa huyền thoại, nửa lịch sử" này đã hoàn toàn **hội nhập vào hệ thống thờ Mẫu Tam Phủ**. Trong ngôi đền, tuy Bà Chúa Kho được thờ phụng như một vị thần chủ, gọi là Bà Chúa hay Điện Bà, nhưng lại được khuôn vào hệ thống điện thần chung của Mẫu Tam Phủ với các ban thờ Tam Toà Thánh Mẫu, Ban Ông Hoàng, Ban Châu Bà, Đức Ông, Sơn Trang, Ban Cô, Ban Cậu, Ngũ Hổ, Ban Công Đồng... Hiện tượng hội nhập theo hình thức "Mẫu hóa" này không phải là hiện tượng cá biệt ở đền Bà Chúa Kho, mà phổ biến ở nhiều nơi, nhất là với các nữ thần hiển linh, được tôn xưng là Mẫu (Vương Mẫu, Quốc Mẫu, Thánh Mẫu).

Trong hệ thống điện thần mang tính phổ quát của Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ, chúng ta không thấy có Bà Chúa Kho. Như vậy, ở đền Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh, hệ thống điện thần Đạo Mẫu Tam Phủ được sử dụng như là cái "nền", cái "phông" cho việc thờ cúng Bà Chúa Kho. Điều này, trong tâm thức dân gian, càng làm tăng thêm vẻ "chính thống" và linh thiêng cho vị thần chủ được thờ.

Hiện tượng "Mẫu hoá" Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh không có gì là lạ, mà như khảo sát của TS. Trần Đình Luyện thì ở vùng đất này việc thờ Mẫu và Mẫu Tam Phủ là rất phổ biến với các tên gọi như: Bà Chúa Sành ở Quả Cảm (có công trong nghề làm gốm và nuôi tằm), Bà Chúa Choá (truyền tụng là con dâu Lạc Long Quân, là vị thần của 11 làng Choá), Bà Chúa Đầm ở Phù Lưu, Bà Chúa Ngô ở ven sông Cầu, các Bà trong Tứ Pháp (Mây, Mưa, Sấm, Chớp) gắn với Phật Mẫu Man Nương...<sup>(2)</sup>.

Tôi giả định rằng, trước khi được "lịch sử hoá", "cung đình hoá", vị nữ thần nào đó mà sau này được tôn xưng là Bà Chúa Kho đã được "Mẫu hoá" và tới lúc đó Bà Chúa Kho đã khoác trên mình vừa "chiếc áo lịch sử" vừa "chiếc áo thần linh Đạo Mẫu", để hoàn thiện quá trình chuyển hoá "huyền thoại hoá lịch sử và lịch sử hoá huyền thoại".

3. Hơn chục năm nay, từ khi hiện tượng Bà Chúa Kho bùng phát, tôi luôn suy nghĩ câu hỏi về nguồn gốc Bà Chúa Kho. Bà là Bà Chúa Kho, nhân vật khoác áo lịch sử hay là một vị thần được Mẫu hoá thì ai cũng biết. Vậy trước khi thành Bà Chúa Kho, thành Thần Mẫu thì Bà là ai?

Qua thu thập tư liệu thực địa và tư liệu của các đồng nghiệp cung cấp, tôi đi đến một giả thuyết cho rằng **nguồn cội ban đầu của Bà Chúa Kho là nữ thần Mẹ Lúa**. Giả thuyết này dựa trên hai cơ sở, thứ nhất, xét về tổng thể, tín ngưỡng Mẹ Lúa là tín ngưỡng chung của hầu hết cư dân trồng lúa ở Đông Nam Á và Việt Nam, mà nay còn quan sát thấy khá phổ biến ở nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta và các nước trong khu vực. Tín ngưỡng này hình thành trên cơ sở quan niệm rằng, trong cây lúa có hồn lúa, hồn lúa quyết

2. Trần Đình Luyện. *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng Bà Chúa Kho ở Cổ Mễ*. Tạp chí Văn hoá dân gian, số 2/2000.

định sự sinh trưởng của cây lúa, do vậy, từ lúc gieo hạt đến khi thu hoạch người nông dân phải thực hiện các nghi lễ liên quan tới hồn lúa, như nghi lễ Mẹ Lúa (là hiện thân của hồn lúa) gieo các khóm lúa đầu tiên, đồng thời cũng là nghi lễ rước Mẹ Lúa từ kho lúa ra rẫy, nghi lễ dựng cây nêu và trang trí các đồ vật mang tính phồn thực để giữ hồn lúa ở lại trên rẫy. Đặc biệt là khi bắt đầu thu hoạch, Mẹ Lúa phải đi cắt những bông lúa đầu tiên về để cúng cơm mới và cuối cùng là nghi lễ rước hồn lúa về kho<sup>(3)</sup>.

Những tài liệu hồi cố hay quan sát thực địa những năm giữa thế kỉ XX ở người Việt châu thổ Bắc Bộ cho thấy nghi thức thờ Hồn Lúa vẫn còn khá phổ biến, như tục rước mạ, rước lúa thân, đúc tượng lúa, tục thờ vỏ lúa, khấn vĩa lúa, gọi gạo...<sup>(4)</sup>. Chỉ có điều, nếu ở các dân tộc khác người đại diện hồn lúa là phụ nữ-Mẹ Lúa (kể cả người Lào, Thái, Khơme), thì ở người Việt chức năng này đã chuyển sang nam giới. Điều này cũng dễ hiểu khi mà xã hội người Việt đã sớm chuyển sang phụ hệ, nhất là dưới ảnh hưởng của xã hội phụ hệ Trung Hoa, người phụ nữ hầu như bị tách khỏi các sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng.

Những truyền thuyết thu thập được về Bà Chúa Kho cũng ít nhiều liên quan tới tục thờ Mẹ Lúa nguyên thủy. Theo các cụ già kể lại, Bà Chúa Kho vốn là một thôn nữ xinh đẹp, nết na, giỏi nghề nông, sinh sống ở vùng ven sông Cầu. Ban đầu, vùng này là đồng bãi ngập nước, lầy trũng, cư dân chưa biết trồng cấy gì, Cô thôn nữ ấy lấy trấu rắc tới đâu thì lúa mọc lên tới đó. Từ đó thóc lúa cứ ùn ùn như núi, mọi người phải xây kho để trữ lương thực, và tôn vinh cô gái dạy dân trồng lúa đó là Bà Chúa Kho, Bà Lắm. Chúng ta cũng có thể liên tưởng giữa hiện tượng thờ Hồn Lúa trong kho lúa của nhiều dân tộc thiểu số

hiện nay với tên gọi Bà Lắm (kho), Bà Chúa Kho của người Việt ở Bắc Ninh. Chúng ta cũng có thể xem xét tới địa danh làng Cổ Mễ. Có hai cách giải thích về địa danh này, đặc biệt liên quan tới từ "Cổ". "Cổ" có thể là tên Hán hoá từ "kẻ", một tên gọi xa xưa làng của người Việt. Có người cho rằng "Cổ" gốc từ "Cô", chỉ một loại lúa "Cỏ", tức lúa hoang, còn "Mễ" là tên Hán chỉ lúa gạo... Những địa danh này có thể tồn tại từ thời Nhà Trần. Cần nhắc lại rằng giả thuyết công tác này cần phải có thêm những tư liệu thực tế để khẳng định hay phủ định nó.

4. Như mọi người đều rõ, từ cuối thập kỉ 80, nhất là đầu thập kỉ 90 Thế kỉ XX hiện tượng thờ cúng Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh nổi lên như một điển hình của tín ngưỡng dân gian nước ta sau thời kì đổi mới, khiến không chỉ các nhà khoa học mà cả các nhà quản lí cùng quan tâm. Di tích đền Bà Chúa Kho vốn nhỏ bé và có phần tĩnh lặng xưa kia nay đã thay da đổi thịt và nhộn nhịp hẳn lên. Đền được trùng tu, mở rộng và được Nhà nước xếp hạng. Khách thập phương kéo về, nhất là dịp đầu năm để vay "tiền" Bà về làm ăn hay xin "lộc rơi", "lộc vãi" và cuối năm lễ tạ, "trả" tiền vay của Bà. Làng Cổ Mễ thuộc xã Vũ Minh vốn là làng nghèo, nay cũng "thay da đổi thịt", cuốn hút hàng nghìn người dân trong làng tham gia vào công việc mang tính "dịch vụ" tín ngưỡng, như sản xuất và bán hương hoa, vàng mã, viết sớ, sắp lễ, cúng khấn, rồi các dịch vụ ăn uống, trông xe, đón khách...<sup>(5)</sup>.

Về phương diện tâm linh, Bà Chúa

3. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên. *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*. Nxb. KHXH. H., 1974.

4. Ngô Đức Thịnh (chủ biên). *Văn hoá dân gian Nông*. Nxb. VHDG, H., 1992.

5. Lê Trung Vũ (chủ biên). *Lễ hội cổ truyền*. Nxb KHXH, H., 1992.

Kho vốn là vị thần có phần khiêm nhường trong lớp áo của một "nhân vật lịch sử", "Thần Mẫu", nay bỗng trở thành người ban phát tài lộc theo kiểu "vay trả" như một "chủ nhà băng". Những người tới cửa Bà cầu khẩn không còn là những nông dân như trước kia nữa, mà nay chủ yếu là những thương nhân, thị dân, viên chức nhà nước. Như vậy là từ một hình thức tín ngưỡng nông nghiệp, Bà Chúa Kho đã trở thành một vị thần chủ của thương nghiệp, của thị dân đô thị. Một tín ngưỡng ban đầu mang tính hướng nội của cộng đồng làng xã nay trở thành một tín ngưỡng mang tính hướng ngoại, tức chủ yếu phục vụ cho những người bên ngoài cộng đồng.

Từ sự phân tích trên, chúng tôi tạm đưa ra một lược đồ về sự biến đổi các lớp giá trị biểu tượng của Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh:

4- Bà Chúa Kho - Chủ Kho Tiền (Chủ Nhà Băng)

3- Bà Chúa Kho - Chủ kho lương Nhà nước (nhân vật lịch sử)

2- Bà Chúa Kho - Mẫu Thần

1- Bà Chúa Kho - Mẹ Lúa

Thực ra, biểu tượng Mẫu thần không phải là lớp biểu tượng mang tính độc lập, mà thuần túy chỉ là sự "Mẫu hóa" của biểu tượng nữ thần Mẹ Lúa mà thôi. Từ đây, chúng ta có thể hiểu được cái lôgic của quá trình phát triển nội tại của biểu tượng: Mẹ Lúa/ Bà Chúa Kho Lương/ Bà Chúa Kho Tiền.

## II. Các lớp biểu tượng Bà Chúa Kho và sự biến đổi xã hội Việt Nam.

Phần trên, chúng tôi trình bày sự biến đổi nội tại của biểu tượng tín ngưỡng Bà Chúa Kho. Vậy sự biến đổi đã phản ánh gì sự biến đổi của xã hội Việt Nam?

Theo lí thuyết "xã hội tổng thể" của Macxen Mauss thì mọi hiện tượng xã hội

đều nảy sinh trong một môi trường kinh tế- xã hội nhất định, phản ánh một thực tại xã hội nhất định, do vậy, khi nghiên cứu một hiện tượng xã hội dưới con mắt của "sự kiện xã hội tổng thể", chúng ta không chỉ làm rõ bản chất của hiện tượng xã hội ấy mà còn phải lí giải được cái xã hội nào đã sản sinh và tồn tại cái hiện tượng mà chúng ta đang nghiên cứu<sup>(6)</sup>. Với hiện tượng Bà Chúa Kho, nhất là sự biến đổi của biểu tượng Bà Chúa Kho, chúng ta có thể nói gì về các xã hội Việt Nam đã từng làm nên cho sự biến đổi đó?

1. Bà Chúa Kho với tư cách là nữ thần Mẹ Lúa là biểu tượng của một xã hội Việt Nam mà ở đó nền tảng là kinh tế nông nghiệp trồng lúa đã phát triển. Trong xã hội đó, người phụ nữ giữ vai trò quan trọng không chỉ trong gia đình và cả trong sản xuất, mà cái đó đã được phản ánh trên bình diện tín ngưỡng. Nhiều công trình nghiên cứu của chúng tôi đã đề cập đến hệ thống thờ nữ thần của nước ta. Các huyền thoại về tạo lập vũ trụ (mây, mưa, sấm, chớp) tạo lập các nhân tố bản thể (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), tạo lập con người, dân tộc (Mẹ Âu Cơ), tạo lập văn hoá (Mẹ Lúa, Mẹ Mía, Mẹ Lửa, tổ sư các nghề...) đều mang tính nữ. Rồi các nữ anh hùng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Dương Văn Nga, Ý Lan, Bùi Thị Xuân...<sup>(7)</sup> Thực tế xã hội đó đã được GS. Trần Quốc Vượng khái quát thành luận đề "xã hội theo nguyên lí Mẹ".

Cái xã hội nông nghiệp buổi đầu ấy đã khai hoa kết trái trong xã hội thời Hùng Vương, mà nền văn minh Đông Sơn là sự

6. Trần Đình Luyện. *Hiện tượng bà Chúa Kho và tín ngưỡng thờ Mẫu Bắc Ninh*. Báo cáo Hội thảo khoa học quốc tế "Tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Giầy". Hà Nội, 11/2001.

7. Viện Viễn Đông Bác Cổ. *Một số vấn đề nhân học và xã hội học*. Nxb KHXH, H., 1998.

biểu hiện vật chất của nó. Cái xã hội nông nghiệp ấy cho tới nay vẫn còn để lại những cốt cách trong nếp sống, lối nghĩ suy, tâm lí tính cách của con người Việt Nam.

2. Tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục và lễ hội của người Việt, như đã nói ở trên mang đậm tính chất nông nghiệp, tuy nhiên, trong quá trình vận động của xã hội Việt Nam, mà cốt lõi của nó là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm, đã dần thâm nhập, làm biến dạng nguồn cội nông nghiệp ban đầu, tạo nên diện mạo văn hoá hết sức đa dạng. Xu hướng "lịch sử hoá" các hiện tượng tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục trở thành xu hướng chủ đạo. Hiện tượng Bà Chúa Kho Lương thoát thai từ nữ thần Mẹ Lúa và Thần Mẫu gắn với cuộc kháng chiến chống ngoại xâm chính là phản ánh xu hướng biến đổi ấy. Tạo cho tín ngưỡng Bà Chúa Kho và hầu hết các hình thức tín ngưỡng khác của nước ta cái cốt cách của một thứ chủ nghĩa yêu nước đã được tâm linh hoá.

3. Từ một đền thờ vốn còn nhỏ bé và khiêm tốn, chủ yếu khép kín trong phạm vi hạn hẹp của làng Cổ Mễ và một số làng lân cận, từ thời Đổi mới (1986 tới nay) đền Bà Chúa Kho và sinh hoạt tín ngưỡng Bà Chúa Kho bỗng mở rộng, khang trang và nhộn nhịp hẳn lên. Một lần nữa Bà Chúa Kho không những chỉ được "lịch sử hoá" mà còn "hiện đại hoá" dưới dạng Bà Chúa Kho Tiên để đáp ứng nhu cầu xã hội đang bước vào cơ chế thị trường. Một lần nữa sự chuyển mình của xã hội Việt Nam sau đổi mới đã nhanh chóng kéo theo sự "lột xác" của biểu tượng Bà Chúa Kho. Hình như đến nay lớp áo "lịch sử hoá" với công tích chống ngoại xâm của Bà Chúa Kho đã ít nhiều phai nhạt, mà nay dường như với "phép mầu" ban phát tiền tài cho chúng sinh,

Bà Chúa Kho Tiên bỗng nổi lên như một biểu tượng linh thiêng của giới kinh doanh và thị dân. Hiện tượng biến đổi này chỉ có thể diễn ra trong khung cảnh xã hội Việt Nam thời Đổi mới, khi mà trong quan niệm của chúng ta có sự đổi mới tư duy, nhất là tư duy về văn hoá truyền thống, về tôn giáo tín ngưỡng; sự thay đổi về chính sách về nông thôn của Nhà nước, lấy hộ nông dân làm đơn vị kinh tế cơ bản, từ đó kéo theo sự hồi sinh làng xã và phục hưng văn hoá truyền thống. Do vậy, nhìn vào hiện tượng Bà Chúa Kho như là một tấm gương phản chiếu sự chuyển mình của cả một xã hội văn hoá, trong đó bên cạnh những yếu tố tích cực cũng không phải không phơi bày ra những cái tiêu cực.

### **Kết luận**

1. Hiện tượng chôn xếp và đan xen các lớp giá trị của biểu tượng của văn hoá dân gian là một quy luật mang tính phổ quát, mà ở đây biểu tượng Bà Chúa Kho là một thí dụ khá tiêu biểu. Ít nhất chúng ta cũng có thể quan sát thấy 3 lớp giá trị khác nhau tiềm ẩn trong hiện tượng thờ phụng Bà Chúa Kho: Bà Chúa Kho- Mẹ Lúa, Bà Chúa Kho - Chúa Kho Lương và Bà Chúa Kho - Chúa Kho Tiên.

2. Ba lớp giá trị tiềm ẩn trong hiện tượng Bà Chúa Kho ấy phản ánh nền tảng và những xu hướng biến đổi xã hội khác nhau của Việt Nam từ thời xa xưa tới nay: Xã hội nông nghiệp, lịch sử chống ngoại xâm và xu hướng thương mại hóa (cơ chế thị trường).

3. Tính hệ thống của một hiện tượng văn hoá dân gian luôn đòi hỏi chúng ta có cách tiếp cận phù hợp, mà ở đây là phương pháp tiếp cận "sự kiện xã hội tổng thể" /.